

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày: 15-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Đào;
- Ông Đoàn Tấn Tiên;

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** Võ Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 428/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Huỳnh T, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh T trình bày:

Ngày 28-8-2022 âm lịch (ngày 23-9-2022 dương lịch) bà Nguyễn Thị Kiều T1 có mượn của bà số tiền 1.200.000.000 đồng để mua mì. Thời hạn trả là ngày 28-12-200 âm lịch (ngày 19-01-2023 dương lịch) lãi suất thoả thuận là 4%/tháng. Bà thu có viết giấy mượn tiền cho bà. Từ khi mượn tiền cho đến nay bà T1 không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà. Nay bà yêu cầu bà T1 trả tiền gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay cho đến khi xét xử theo mức lãi suất 20%/năm.

** Bị đơn, bà Nguyễn Thị Kiều T1 trình bày:*

Bà có vay tiền của bà T nhiều lần, có mượn có trả đến ngày 28-8-2022 âm lịch, bà và bà T gút nợ nên bà có viết cho bà T giấy mượn tiền ghi ngày 28-8-2022 âm lịch số tiền 1.200.000.000 đồng, số tiền này có 200.000.000 đồng bà nợ chị T2 là con của bà T. Bà thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu lấn tay là của bà. Lãi suất thoả thuận khi vay có thoả thuận là 4%/tháng, không có ghi thời hạn trả nợ. Bà có trả tiền lãi cho bà T nhưng không có giấy tờ chứng minh, bà không đồng ý trả cho bà T 1.200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi như yêu cầu của bà T. Bà chỉ trả cho bà T 1.000.000.000 đồng tiền gốc.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 1.200.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày vay cho đến khi xét xử.

Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Huỳnh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T1 trả cho bà T số tiền 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày vay cho đến khi xét xử. Bà T1 sinh sống tại ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà thu cho rằng số tiền 1.200.000.000 đồng có 200.000.000 đồng là tiền bà T1 vay của chị T2 là con của bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy mượn tiền 1.200.000.000 đồng bà T1 viết và ký nợ với bà T, chị T2 cũng xác nhận số tiền 1.200.000.000 đồng này bà T1 vay của bà T không liên quan gì đến chị T2 nên Hội đồng xét xử không đưa chị T2 vào tham gia tố tụng trong vụ kiện này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T1 trả số tiền 1.200.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà T cung cấp giấy mượn tiền ghi ngày 28-8-2022 âm lịch, bà thu có mượn của bà T số tiền 1.200.000.000 đồng. Bà T1 xác nhận giấy mượn tiền này do bà T1 viết và ký tên. Bà T yêu cầu bà T1 trả tiền cho bà T nhưng bà T1 không trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà T nên bà khởi kiện yêu cầu bà T1 trả tiền cho bà là có cơ sở.

Bà T1 cho rằng bà chỉ mượn của bà T 1.000.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng bà mượn của chị T2. Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Trong giấy nợ chỉ thể hiện bà T1 có vay của bà T 1.200.000.000 đồng, không thể hiện người cho vay là bà T và chị T2.

- Giấy mượn tiền thể hiện bà T1 vay của bà T ngày 28-8-2022 âm lịch, bà T1 vay của chị T2 ngày 23-9-2022 âm lịch. Như vậy, bà T1 vay tiền của bà T trước khi vay tiền của chị T2 thì trong số tiền của bà T không có số tiền nợ của chị T2 được.

- Chị T2 cũng trình bày số nợ 1.200.000.000 đồng là tiền của bà T cho bà T1 vay, chị T2 không liên quan gì đến số nợ này.

Bà T không thừa nhận trong số tiền 1.200.000.000 đồng có tiền bà T1 vay của chị T2. Bà T1 không đưa ra được chứng cứ, nên bà T1 phải trả cho bà T 1.200.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu trả tiền lãi của bà Lê Thị Huỳnh T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T, bà T1 thống nhất lãi suất thoả thuận khi vay là 4%/tháng. Tuy nhiên khoản 1 Điều 468 quy định: “.. .. trường hợp các bên có thoả thuận về lãi suất thì lãi suất theo thoả thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. . .” bà T cũng yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm nên lãi suất được tính 20%/năm là phù hợp với quy định trên. Tiền lãi được tính như sau:

Ngày vay 23-9-2022 dương lịch, ngày xét xử là 15-3-2024, là 17 tháng 22 ngày x 20%/năm x 1.200.000.000 đồng = 354.666.664 đồng.

[4] Bà T1 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 1.554.666.664 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là 354.666.664 đồng.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền gốc 1.200.000.000 đồng và 354.666.664 đồng tiền lãi. Yêu cầu của bà T được Toà án chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 là 58.640.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Lê Thị Huỳnh T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T1 trả cho bà Lê Thị Huỳnh T số tiền 1.554.666.664 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, tiền lãi là 354.666.664 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 chịu 58.640.000 đồng (năm mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Lê Thị Huỳnh T không chịu án phí, hoàn trả cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.907.800đ (hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng) theo Biên lai thu số 0013920 ngày 04-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- Đương sự;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung

